

# "NƯỚC PHÙ NAM XEM LẠI: THÁO DỠ NHỮNG CỔ XƯA"

LƯƠNG NINH\*

**N**ước Phù Nam xem lại: Tháo dỡ những cổ xưa (*Funan Reviewed: Deconstructing the Ancients*) của Michael Vickery, Giáo sư Đại học Yale (Mỹ), chuyên nghiên cứu về lịch sử Đông Nam Á. Bài viết bằng tiếng Anh đăng trên Tập san khoa học tiếng Pháp, của Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp - B.E.F.E.O số 90-91, năm 2003-2004, ra cuối năm 2004, dài 43 trang. Tôi đọc xong thấy cần giới thiệu tóm gọn, trong khuôn khổ một bài tạp chí để bạn đọc thấy thêm một hoạt động sử học ở nước ngoài.

Mở đầu, tác giả M.Vickery kể, trong một buổi giảng cho sinh viên năm thứ 4 ngành Nghệ thuật (*Fine Arts*) Đại học Hoàng gia Phnôm Pênh rằng: "tôi mở đầu cuộc tranh luận về nước Phù Nam (thường được hiểu là ở miền Nam Cambốt và Việt Nam, kéo dài đến bán đảo ở Vịnh Thái Lan) (*sic*), bằng câu hỏi xem họ biết gì về sự bắt đầu của thiết chế này? Một sinh viên nhanh nhẩu trả lời: đó là "*chuyện Preah Thong và Neang Neak*". Nhưng xem ra chuyện này có nguồn gốc một từ *Thái-Thong* là *Vàng*, từ sự tích hoàng tử *U Thong* của Ayuthya chỉ thu nhập từ vịnh Khmer vào thế kỷ XIV, và như thế, Preah Thong Khmer sinh ra từ U Thong Thai

(*sic*). Nhưng đây là hai (2) truyền thuyết của hai tộc người khác nhau, thuộc về hai thời gian khác, cách xa nhau cả nghìn năm; hơn nữa, *Thong thần thánh (Preah)* với cái *nôi (U) Thong-Vàng* có ý nghĩa khác nhau chứ? Tiếp dưới đây là 8 chương và chương 9, được coi là *kết* của tác giả; số thứ tự do tôi ghi cho dễ theo dõi. Tôi cũng dành lòng dè dặt từ *sic*, bắt chước các học giả phương Tây để tỏ sự nghi ngờ hay không đồng tình, sau mỗi câu/ý, tuy hơi khiếm nhã, nhưng chắc là cần thiết ở đây.

## 1. Phù Nam-sự tổng hợp chuẩn mực

Bắt đầu từ G.Coedes, *Lịch sử cổ các quốc gia Hindu hóa*, lịch sử dân gian (folk history) được trở thành một phần hành trang trí tuệ của nhiều nhà Đông phương học cổ điển. Những chuyện Hồn Diên-Liêu Diệp, những chuyện nằm mộng thần thánh, trở thành những vị vua sáng lập vương triều đầu tiên của Phù Nam. Đó là cái mà G.Coedes gọi là "Công cuộc Hindu hóa" lần thứ nhất. Kinh đô Phù Nam là Đạc Mục, được đoán là ở Ba Phnom, khi bị Chân Lạp đánh thì rút chạy đến Na Phát Na, ở phía Nam, lại được đoán gọi là *Naravaranağara* và cũng được đoán là ở Angkor Borei.

\*GS. Viện Khảo cổ học.

Thư tịch Trung Hoa rất lơ mờ, chỉ một cái tên Hồn Điền lúc thì gọi là Hồn Hội, lúc lại gọi là Kiểu Trần Như, Liễu Diệp có lúc gọi là Diệp Liễu. Thư tịch này chưa bao giờ gọi tên kinh đô mà chỉ nói cách biển 500 lý (tương đương 200 km). Phải đến *Đường thư*, thế kỷ VII mới nói Đặc Mục bị vua Chân Lạp đánh.

Rõ ràng, G.Coedes là một nhà tổng hợp lớn (great synthesizer), còn P.Pelliot cũng là một nhà tổng hợp đầy nghị lực, nhưng kém G.Coedes khi tưởng tượng thêm vào những chỗ chưa có cứ liệu chắc chắn, có chỗ cắt hay thêm vào thư tịch những ý nghĩ bất chợt của một người thu thập tài liệu (compiler). P.Pelliot lại còn táo bạo hơn khi cho rằng nhiều chi tiết (trong thư tịch) là không thể du di được. Cả hai người đều xem xét lịch sử Phù Nam và cả Đông Nam Á qua lăng kính Ấn Độ học.

Do đó, tôi (M.Vickery) muốn *tháo dỡ* không chỉ G. Coedes và P.Pelliot mà cả thư tịch Trung Hoa về Phù Nam do Pelliot dịch (Xin xem có bản dịch khác bằng tiếng Việt trong *Vương quốc Phù Nam*, 2005) để tìm một lời giải khác cho những vấn đề của nó. Một công việc tương tự đã được Eveline Poree Maspero hậu thuẫn, nhưng ít được biết đến.

(Lời bình: Từ *tháo dỡ* (deconstructing) chắc không phải là phát minh, sáng kiến của riêng M.Vickery, mà những năm gần đây, giới khoa học phương Tây có *trào lưu tháo dỡ* (deconstructionism) những học thuyết, học giả đã được định vị, trong đó cũng còn có ý muốn ngược đối với lịch sử Đông Nam Á lại là khẳng định thêm *lý thuyết* của W.Wolters về *thế chế Ngân hà* (Galactic Politics) hay *Mandala* thay cho cách hiểu về các vương quốc cổ xưa (Xin xem: Lương Ninh, NCLS, số 1-1998)).

**2. Tiền sử Phù Nam (Funan prehistory:** cái tên đã có về văn hóa dân gian) mà tác giả mở đầu bằng “chúng ta hãy bắt đầu *tiền sử của* Phù Nam theo các ghi chép của người Trung Hoa. Khang Thái và Chu Ứng đến Phù Nam khoảng năm 245 - 250 AD. Hai ông này chỉ nghe kể lại, vua sáng lập nước Phù Nam có 4 cách gọi tên khác nhau, Hồn Điền, Liễu Diệp v.v... Như thế mà xác định cuộc Ấn Độ hóa bắt đầu từ thế kỷ I thì quá sớm. Không có bằng cứ gì cho biết cuộc Ấn Độ hóa về mặt tôn giáo, nghệ thuật, kiến trúc, quan niệm về nhà nước. Phù Nam cũng không nhận thực Hồn Điền là người mang văn hóa Ấn Độ đến, mà họ không biết gì về Văn hóa Ấn Độ trước triều vua Phạm Tâm, thế kỷ III.

Rồi việc Hồn Điền sinh con trai “làm vua 7 áp...”, con số 7 rất trừu tượng, cũng giống như truyện người Lào lập 7 nước, gọi là *mương* mà người ta không biết thực là đâu cả. P.Pelliot cũng hiểu tính chất mỏng manh của giả thiết nên cố *biện hộ* bằng cách giải thích, *vá vú* những điều nói về Lá Liễu và cho rằng những *Brahman* đã có mặt, theo thư tịch cho biết, tức cũng là những người mang Văn hóa Ấn Độ đến và chống đỡ bằng cách cho rằng “không nên hiểu thư tịch quá *lệ theo từng chữ*”.

Đã không thể biến huyền thoại về một chàng trai từ biển vào lấy một cô gái bản địa thành một sự kiện lịch sử, cũng không thể nào phục dựng *Hồn Điền* thành *Kaundinya*, lại vấp phải một vấn đề thực tế là tên nữ vương bản địa là Lá Liễu, nhưng ở Cambốt không có cây/lá liễu. P.Pelliot đành gọi ra một lần thư tịch cổ dịch nhầm liễu thành dứa, “vì lá nó trông giống nhau” (?).

Một đoạn nói về *Cau* và *Dừa* của người Chăm, ý nói *Dừa là dứa, Liễu là liễu*.

Một đoạn nói về phiên âm, Liễu Diệp, cũng như Lâm Ấp, Chân Lạp, "là người Trung Hoa xưa tỏ ra rằng các tên gọi bản địa tận cùng bằng chữ /p/ là một nét ngữ âm chung của tiếng Khmer và các ngôn ngữ Đông Nam Á khác" (?). Nhưng tác giả còn chú thích, nói thêm cho vững: đây là tít 1 còn tít 2 là Xích Thổ, một kiểu ngoại lệ (*sic*) (tr.110, chú thích 46) (Thế còn Tam Phật Tề, Phật Thệ, Hoàn Vương, Lang Nha Tư, Lang Nha Tư gia... (?))

### 3. Phù Nam: Thời kỳ lịch sử.

Từ Hồn đầu tiên (Điển) giao cho con 7 thành thì quá lờ mờ, đến Phạm Sư Man chinh chiến thì ngược lại, có lợi ích thực tế của việc buôn bán ven biển. Việc đến Phù Nam từ Đài Loan đến ven biển Nam Á và đến Madagascar là hoạt động thường xuyên của người nói tiếng Nam Đảo.

Một đoạn nói các tài liệu cũng cho biết thời trước, việc liên hệ Đông-Tây, Trung Quốc, Ấn Độ được thực hiện bằng thuyền Đông Nam Á. Dẫn theo P. Manguin, một chuyên gia về "thuyền vỏ trứng" (đáy cong hình vỏ trứng và chỉ buộc giây, không đóng đinh) (*sic*). Điều này có thể đúng nhưng chỉ với một số nơi, một vài thời. Cũng dẫn cả P. Pelliot, đã nói tới *thuyền lớn-grandes jonques*. Và như thế, đến đây, hoạt động ở đây không ai khác là người Malay.

Liệu chúng ta có thể kết luận theo một mẫu chuyện dân gian hàn lâm cổ (*an old bit of academic folklore*) (*sic*) thì những nét văn hóa được xác định tính tộc người một lần cho tất cả rằng Phù Nam là Nam Đảo (Austronesian), không phải Khmer, cũng không phải Môn-Khmer?

Đến trường hợp Đốn Tốn thì ông lại tin rằng "có vẻ chắc chắn là thư tịch Trung Hoa đã phiên âm một từ Proto-Mon, *dun sun* nghĩa là 5 thành, sát chữ là thành 5" và ông viết tiếp: "nếu ngôn ngữ có khác

Phù Nam chút ít thì (*dun sun*) (đúng ra, phải phiên âm là *Tun Sun*, Shorto, 1963) nếu không phải Khmer, ít nhất cũng là thuộc tít Môn-Khmer (*sic*)", "cũng do đó, phải đặt *dun sun* ở phía Bắc bán đảo, gần Tenasserim, nơi có những con sông có thể dẫn từ vịnh Bengal đến Ayuthaya, ít nhất cho đến thế kỷ XVII" (?).

Một đoạn dài gần hết trang 113 dành để phán đoán phiên âm Hoa một số địa danh mà cách ghi phiên âm (qua bản dịch của một nhà nghiên cứu Nhật Bản ra tiếng Pháp trong 2 báo cáo ở Symposium ở Bangkok và Paris, cách phiên âm và cách đoán làng nhàng rất khó theo dõi, nhưng chắc hợp ý muốn tác giả(?)).

Lại một đoạn dài biện luận về tên gọi và phiên âm của các danh xưng Trúc Chiên Đàn, Kiều Trần Như... rồi kết luận "chắc chắn là không có một Kaundinya thật, cũng chưa hề đi đến từ Ấn Độ hay từ bất cứ đâu đến Phù Nam vào bất kỳ thời gian nào, mà chỉ là sự tô điểm lại sau hai thế kỷ mà người đứng đầu (Phù Nam) muốn đồng nhất dòng dõi mình với truyền thống Ấn Độ.

### 4. Sự tiếp nối chính trị và sự thay đổi vương triều

Như đã tóm tắt bên trên, truyền thống theo lời kể, vương triều Hồn dài bao nhiêu không rõ, đến giai đoạn 5 thủ lĩnh (*rulers*) Phạm mà người cuối đã tiếp sứ giả Trung Hoa vào giữa thế kỷ III, tiếp đến III thế kỷ không có thông tin rõ ràng về sự tiếp nối vương triều và các quan hệ giữa các thủ lĩnh được gọi tên, rồi đến Jayavarman-Rudravarman, thế kỷ V-VI.

Đã tốn nhiều giấy mực tranh luận, tìm hiểu về các triều vua lờ mờ này. Chỉ có Poree Maspero mới chú ý bổ sung dù như là bằng cứ cho nền văn hóa chính trị Cambốt sơ kỳ (*sic*), một sự chú ý đáng quý.

Cả thư tịch và bản dịch của P.Pelliot đều cho ý nghĩ rằng sự truyền ngôi ở Phù Nam là phụ hệ, nhưng Poree Maspero lại biện luận cho lý thuyết chung của mình là phổ hệ ưu thế của Hoàng gia Cambốt là mẫu hệ.

Giai đoạn cuối khi các thủ lĩnh Phạm thay thế các thủ lĩnh Hồn chính là lúc chuyển biến từ tiền sử đến lịch sử thì đã rõ là có một sự kế truyền khác với phụ hệ trước đó.

Tác giả vẽ một sơ đồ gia hệ, thực ra chỉ có tính chất nhấn mạnh, bởi một sơ đồ đơn giản như thế này, đã rõ và dễ hiểu qua thư tịch: Tướng Phạm Sư Man có 2 con trai là Phạm Kim Sinh và Phạm Tràng; ông lại có người chị gái, người này có con trai tên là Phạm Chiên. P.Maspero cho rằng và M.Vickery tán thành là khi Chiên giết Sinh để cướp ngôi là muốn đòi lại quyền kế ngôi. Nhưng sau, Tràng giết Chiên, giành lại quyền, rồi Phạm Tâm, tướng của Chiên giết Tràng để lên ngôi, thì là cái gì ?

(Lời bình: Thuyết của P. Maspero và M.Vickery có gì là mới đâu? Ngày nay, còn thấy được hiển nhiên và sinh động tàn dư của mẫu hệ trong xã hội người Khmer, Chăm và nhiều tộc ít người khác ở Tây Nguyên-Việt Nam, trong đó, dòng nữ, con gái, kế thừa, giữ gìn của gia bảo, bên nữ đi hỏi chồng về nghi thức và đứng tổ chức hôn lễ về hình thức, nhưng cai quản, điều hành lại thường là "vợ giao cho chồng". Trong thực tế, nữ làm vua là rất hiếm có, chỉ truyền theo dòng mẹ, chị, cũng rất ít có. Vấn đề này rất phức tạp, không thể "phát minh" áp dụng vào mọi trường hợp một cách đơn giản). Nhưng tác giả không đơn giản, mà dành một đoạn dài hơn một trang để đưa ra một thuyết khác).

Ông cho biết đã làm một cuộc khảo sát về (chức vị) *pôn* của thế kỷ VII mà "tôi tin

chính là một nhóm thủ lĩnh cổ mà thư tịch ghi là *Phạm* (?), thấy rằng trong hệ thống này, sự kế truyền được thực hiện từ dòng nam đến con của chị/em gái. Chức vị *pôn* trở thành bề tôi của vua, sau trở thành *mratan* gồm các cháu con bá/dì, hành động như các thuộc hạ của *vrah kamratan ân* đối lập với *pôn*".

Ông kết: "Sự thay đổi trong thực tế từ *Phạm* của thế kỷ III đến *varman* của thế kỷ V-VI, trở thành sự khác nhau song song giữa *pôn* và *vrah kamratan ân* trong các văn khắc của thế kỷ VII. Do văn khắc viết Sanskrit nên không rõ Jayavarman và Rudravarman có mang tước vị *vrah kamratan ân* hay không".

(Lời bình: Tôi hoàn toàn chưa tin vào thuyết này của M.Vickery, nhưng bàn về nó thì cần phải dành riêng cả một chương sách, mà đó không phải là mục đích lúc này).

### 5. Phù Nam ở đâu?

Mở đầu là một đoạn nói về các ý kiến định vị Phù Nam: 'Cả hai ông Aymonier và P.Pelliot đều cho chủ yếu ở Nam Cambốt và Việt Nam, khi mở rộng thì đến bán đảo Malaya, từ đó dẫn theo gần như tất cả các nhà sử học.

Tuy nhiên, J.Boisselier đặt trung tâm của Phù Nam ở U Thong. Tatsuo Hóshino thì nhấn mạnh ở Đông-Bắc Thái Lan. Claude Jacques hơi khác một ít: "Phù Nam khởi phát vào những thế kỷ đầu Công nguyên ở Nam Cambốt và Việt Nam, nơi có kinh đô của nó, sau mới mở rộng đến vùng Eo Kra".

Boisselier dựa trên khảo cổ học, nhận Văn hóa Óc Eo là một di chỉ (*site*) Phù Nam, nhưng nói thêm: "ở hạ lưu Mê Kông, những chứng tích được tìm thấy trên một phạm vi rất hẹp, trong khi ở Mê Nam lại phân bố trên một vùng rất rộng, gồm cả

những địa bàn mở rộng trên một trục lớn, về phía *Bắc* qua Nakhon Sawan hướng tới (sic), về phía *Đông*, đến Khorat, qua Prachinburi đến *Battambang* (sic) và về phía *Nam* qua Petchburi đến Surat Thani" (dẫn của M.Vickery)

(*Lời bình*: Tác giả hiểu sai: P.Pelliot và G.Coedes phân biệt rõ Phù Nam khác Cambốt và khác Khmer; Hơn nữa, Phù Nam còn là tôn chủ của Cambốt-Khmer trong những thế kỷ III-VI. Tất cả những người được dẫn ở đây, kể cả J.Boisselier được coi là dựa vào khảo cổ, dùng tài liệu khảo cổ, đều không phải là nhà khảo cổ học, nên dựa vào cảm tính và nhận xét rất lầm lẫn. Có hai người đúng là nhà khảo cổ học chuyên nghiệp là L.Malleret người trực tiếp khai quật Ốc Eo hàng chục nghìn m<sup>2</sup>, viết báo cáo hơn nghìn trang sách và khảo sát toàn Nam Bộ và Ian Glover, GS. Đại học London, người đào khảo cổ Ban Don Ta Petch, có nhiều phát hiện mới, lý thú, và nhóm GS. Dhida Saraya và Sri Sakra Vallibhotama ở Đại học Silpakorn Thái Lan, vừa mới (1990) khai quật U Thong-Khu Bua, lại không được nhắc tới, vì không cùng quan điểm? Đặc biệt, L. Malleret, dành cả một chương sách để chứng minh bằng hiện vật rằng Phù Nam không phải là Cambốt, cũng không phải là *Tiền Khmer*, mà có trước và từng là tôn chủ của Cambốt. Tiếc là tác giả không hề biết gì về các cuộc khai quật khảo cổ học ở Cần Thơ, Long An, Tây Ninh, Vĩnh Long, Đồng Tháp trong các năm 1993-2003. Điều này có phần lỗi tại chúng tôi. Chúng ta, làm mà không giới thiệu được bao nhiêu. Nhưng còn Thái Lan; bạn làm cũng nhiều và viết cũng khá đầy chú? Khai quật Roi Et, Muang Fa Daed, U Thong, Khu Bua v.v... nhưng ý kiến của họ khác).

Tiếp tục dẫn J.Boisselier, cho rằng: "Cả châu thổ Mê Nam và Mêkông là những

phần của Phù Nam, và dựa vào khảo cổ học, ông dẫn giải câu chuyện chinh chiến của Phạm Sư Man được tiến hành từ Tây sang Đông (? sic) từ cái nôi của Phù Nam ở Hạ lưu Mê Nam đi chinh phục đồng bằng Mêkông và khi Phù Nam suy vong thì "trung tâm chính trị của đế quốc già đã phải chuyển về đồng bằng sông Mêkông"(dẫn theo M.Vickery, tr.119). Một trong những căn cứ của Boisselier là "Không có nét đặc trưng Văn hóa Phù Nam ở Ốc Eo nào được lưu giữ ở Chân Lạp, không có đồ trang sức bằng vàng và thiếc, đồ ngọc rất nhiều, gốm Ốc Eo không thấy ở Chân Lạp nhưng lại có ở Dvaravati" (Tôi biết kha khá về GS. J. Boisselier, người nghiên cứu khá tốt về nghệ thuật điêu khắc Champa, sao lại di nhảy sang lĩnh vực trái tay này mà nói năng linh tinh vậy). Có lẽ cũng ít nhiều cảm thấy chỗ yếu của J.Boisselier nên tác giả nói nhẹ đi một chút là còn thiếu tài liệu (sic).

Tuy nói Mêkông và Mê Nam là một, nhưng tác giả lại chuyển sang so sánh, để cập một vấn đề khác, là ảnh hưởng Văn hóa Ấn Độ về mặt tôn giáo. Theo ông, Mê Nam cũng như Dvaravati rất thịnh Phật giáo, còn Hạ lưu Mêkông, lại khác, rất phát triển Hindu giáo, đặc biệt ở Chân Lạp.

(*Lời bình*: Rất tiếc hiểu biết này của ông khác xa thực tế phát hiện và nghiên cứu, là những hiểu biết của thời trước O'Connor (1972) và trước cả P. Dupont (1941,1955), tức là những hiểu biết của nửa đầu thế kỷ trước).

Để thuyết minh thêm về sự định vị Phù Nam, mặc dù tuyên bố muốn "tháo dỡ" cả thư tịch, ông lại dựa vào thư tịch, nhưng vì không đọc được chữ Hán, ông dựa vào bản dịch, đúng ra là từng đoạn dịch đã được bẻ queo của Hoshino Tatsuo, cho nó có vẻ khác, nhưng nhất là một số đoạn:

"P.Pelliot đã bỏ qua chữ "thủy" ngay trước nhóm chữ "chảy về phía Tây" để dịch là sông lớn chảy từ Tây - Bắc xuống Đông-Nam ra biển, mà đáng lẽ phải dịch là *chảy về phía Tây*". Từ đó, Hoshino đoán rằng Phù Nam không thể là ở Cambốt mà ở Khorat trên sông nhánh Pasak chảy về phía Tây, nhập vào Mê Nam/Chao Praya rồi chảy ra biển. Dẫn Hoshino trong ý muốn "tháo dỡ Pelliot", nhưng lại tỏ ra có ý riêng, tác giả M.Vickery nói không đồng tình với giải thích của Hoshino, mà cho rằng Phù Nam đúng là ở Cambốt, mà con sông chảy về phía Tây là sông Tonle Sap chảy ngược dòng vào Biển Hồ mấy tháng trong mùa nước lên (*sic*).

Kết cả chương này, ông viết: "Cuối cùng, cách tốt nhất để định vị Phù Nam là nơi tìm thấy bia K 40 ở Tonle Bati cách Phnôm Pênh 30 km về phía Tây-Nam, vừa phù hợp thư tịch khi chưa có văn khắc (Đây là bia Phù Nam 3, còn gọi là Ta Prohm, nằm trong vùng Phnôm Da-Angkor Borei); Tóm lại, theo ông là ở khoảng phía Nam Cambốt.

(Lời bình: Nói như Hoshino và M.Vickery thật là nói lấy được, không kể gì đến thực tế. Tôi không rõ cả hai ông có đọc trực tiếp văn bản hay không? Ít nhất, tôi nghi ngờ sự nghiêm túc của Hoshino. Xin xem bản nguyên văn hai đoạn của *Nam Tê thư* (7605-517) và *Lương thư* (8058-440) - *Súc ấn bách nạp bản, Thương vụ ấn thư quán Bắc Kinh*; *Nam Tê thư* viết "Hữu đại giang thủy Tây lưu nhập hải: Ở đây phải hiểu là có sông lớn, nước chảy từ phía Tây vào biển, cũng như *Lương thư* viết "hữu đại giang quảng thập lý Tây Bắc lưu đông nhập ư hải". Trường hợp trên có chữ *thủy*, trường hợp dưới, chỉ có *tây bắc lưu đông*, phải hiểu/dịch là *chảy từ Tây/ Tây Bắc* đến Đông vào biển. "Vua Hán học" P.Pelliot

居妻弟最謂之孝燭石野以為莽遠界有靈驚  
鳥知人將死集其家食死人肉盡飛去乃取骨  
燒交投海中水莽人色以黑為美南方諸國皆  
然厚粟成蓬八尺表曰影度南八寸自林邑西  
南三千餘里至扶南  
扶南國在白雉之南大海西蠻中廣袤三千餘里  
有大江東西入海其水有女人為其名柳絮又  
有女國人其地夢神場乃其地其地人皆  
其地其地人皆其地其地人皆其地其地人皆

### Nam Tê thư

南將軍林邑王大通元年又遣使貢獻中大通  
二年行林邑王高式律陞羅跋摩遣使貢獻詔  
以為持節督綠海諸軍事綏南將軍林邑王六  
年又遣使獻方物  
扶南國在白雉之南海西大灣中去日南可  
七千里在林邑西南三千餘里城去海五百里  
有大江廣千里西北流東入於海其國輪廣三  
千餘里土地洿下而平博承候風俗大較與林  
邑同出金銀銅錫沈水香象牙孔翠五色琉璃

### Lương thư

dịch không sai, M.Vickery và Hoshino sai là do kém hay cố ý? Tiếc rằng ở đây không phải chỉ là hiểu sai chữ nghĩa mà là sai cả về kiến thức địa lý: 1. Tonle Bati và Tonle Sap là hai phạm vi khác nhau hoàn toàn. Khang Thái không đến Tonle Sap, bởi bấy giờ còn hoang vu và Chân Lạp thì phải sau

300 năm nữa mới lập. 2. Sông Pasak của Hoshino chảy theo hướng Bắc-Nam, song song với Chao Praya, chỉ đến Sara Buri mới làm một đường cong Tây-Nam để nhập vào Mê Nam. 3. Tất cả sông ngòi Đông Nam Á lục địa, *không có* sông nào chảy về hướng Tây mà lại đổ vào biển. Đáp ứng 4 điều kiện hợp với thực tế địa lý, với thư tịch và khảo cổ học là: Quốc gia nằm trên bờ vịnh biển, quốc đô nằm trên bờ sông lớn chảy theo hướng từ Tây-Bắc đến Đông-Nam rồi đổ ra biển, cách cửa biển 200 km thì không thể tìm dấu khác ngoài miền Tây sông Hậu với Kinh đô là *Angkor Borei (Nagara-pura)*.

### 6. Tộc người Phù Nam

Sự tranh cãi về vị trí địa lý của Phù Nam đã đi liền với vấn đề tộc người của nó và ngược với các học giả Pháp, coi đó có nghĩa là "Núi" của tiếng Khmer thì các chuyên gia nói chung đều cho rằng Phù Nam không phải là vùng lãnh thổ nói ngôn ngữ Khmer, mà là những nhóm cư dân khác:

- *J. Boisselier* chủ trương U Thong là trung tâm Phù Nam mà đây là địa bàn nói ngôn ngữ Môn nên lời cuốn những người khác (*sic*) kéo dài địa bàn ngôn ngữ Môn đến bờ biển Việt Nam.

- *Janice Stargardt* (1986) cũng cho tiếng Môn là ngôn ngữ của cư dân cổ sống ở Trung và Nam Thái Lan cho tới Nam Việt Nam.

- *Helmut Loofs* (1979) nói thêm có một nền văn minh Proto-Môn trải ra khắp Nam Đông Dương.

- *B.P. Groslier* (1985) thì nghĩ khác, Phù Nam không phải là Khmer mà từ thời Đá mới (đúng ra là Sơ kỳ sắt) đã có một nền văn hóa bao quanh bờ biển miền Trung Việt Nam, gọi là Sa Huỳnh, cả Nam Việt Nam, có nét giống Borneo, Java của cư dân *Proto Indonesian*, tổ tiên của người Chăm.

Như vậy, Phù Nam cũng giống như Chăm, là Austronesian.

- *Kenneth R.Hall* (1985), *Graham Thurgood* (1999) và cả *D.G.E.Hall* (1955) đều tin chắc Phù Nam là một vùng Austronesian.

*D.G.E. Hall* thì nói cụ thể hơn "Người Phù Nam là Malay, thuộc giống Malay tuy không nói tiếng Malay theo nghĩa ngôn ngữ học".

- *Bellwood* (1992) dung hòa sự phân biệt ngôn ngữ và tộc người, đưa ra ý tưởng gọi chung là *Mongoloid phương Nam (Austrie)* gồm cả dân nói Khmer và Malay.

- *D.G. Hall* thì khẳng định người Phù Nam mà người Trung Hoa gặp là dân nói Austronesian trước khi trở thành dân (nói) Khmer vào thế kỷ VI (*sic*).

- *Thurgood* nhấn mạnh theo cách của ông "người Phù Nam là Austronesian, là sự thâm nhập đầu tiên của dân Nam Đảo vào đất liền khoảng 500 năm tr.CN và có lẽ còn sớm hơn đến Úc Eo, một cảng thị Khmer (*sic*).

- *Thurgood* dẫn nhà ngôn ngữ học *Blust* "Nếu (M.Vickery nhấn mạnh) Phù Nam là NĐ (Nam Đảo) sớm từ đầu Công nguyên, thì một mắt xích phương ngữ đơn nhất có thể mở rộng từ một cái dẫy phía Nam của bán đảo Malay tới Champa" (*sic*-có thể có con đường riêng chứ?). Từ đó, *Thurgood* suy luận "Ngay cả nếu *Hall* và *Blust* đều không đúng (M.Vickery nhấn mạnh) "người ta vẫn có thể suy ra một đường dây thương điểm dọc bờ biển xa về phía Đông Malaysia ngày nay, nơi các thương nhân nói tiếng NĐ chế ngự. Nếu *Hall* và *Blust* đều không đúng thì tuy nhiên, bờ biển Phù Nam là dân nói Môn-Khmer hơn là Austronesian" (*sic*, tại sao?).

Tóm lại, tất cả 10 ý kiến đều cho tộc người Phù Nam là Môn, hoặc Nam Đảo.

Điều này thực ra đã được giải quyết căn bản trên cơ sở khảo cổ học và dân tộc học từ trước (Xin xem *Lương Ninh*, 1981, 1987 và 2003). Không có ý kiến nào cho là Khmer, trừ M. Vickery.

Chính tác giả, M. Vickery thì kết lại: "Có lẽ chúng ta có thể nhận xét rằng Phù Nam là một cường quốc biển (maritime power) mà người ND là những nhà hàng hải vĩ đại thì Phù Nam cũng phải là ND?".

"Không nghi ngờ gì nữa, cũng như phần lớn xã hội ở biển và ven biển, cảng thị là nơi hỗn hợp, mà cả Môn, Chăm là những nhóm chính, và có thêm cả nhóm Khmer, nhưng những bằng cứ hiện có thì có thể coi Phù Nam là địa bàn mà nhóm cư dân chủ yếu *chỉ có thể là Khmer (sic)*. Phần lớn văn khắc tiếng Khmer đầu tiên là ở miền Nam, trong đó, Angkor Borei, đầu thế kỷ VII, cho thấy một xã hội đã bám rễ sâu những cấu trúc xã hội, tôn giáo và phân tích sự phân bố qua thế kỷ VII đã cho thấy sự vận động dần dần lên phía Bắc. Ý nghĩ về sự tiến xuống nhanh chóng của người Khmer từ Chenla ở đường biên Khmer-Lào hiện nay là đi theo lĩnh vực của huyền thoại bác học (*scholarly myths*) dù thời gian người Khmer đến miền Nam chưa được xác định và những cuộc khai quật khảo cổ học ở Angkor Borei cho thấy sự hiện diện của con người phải ngược về trước Công nguyên nhiều thế kỷ, tuy chưa được phân tích".

"Cần phải nhấn mạnh rằng khi thiếu vắng văn bản viết ngôn ngữ bản địa thì việc xác định ngôn ngữ Phù Nam là không thể được, nhưng bằng cứ gián tiếp của *Tun Sun*, cộng với văn khắc Khmer thế kỷ VII thấy rõ trên đất Phù Nam đã gợi ý mạnh mẽ rằng cư dân là Khmer, ngay cả nếu các cảng thị có đầy các nhóm cư dân khác, đặc biệt là Nam Đảo. Khảo cổ học cũng cho như thế. Cuộc khai quật ở Óc Eo cho thấy

không có sự gián đoạn thực giữa các tầng Văn hóa Phù Nam và Tiên Angkor về gốm, truyền thống tượng hoặc các chuỗi bình đồ, đã tạo ưu thế cho giả thiết về sự vượt trội của ngôn ngữ Môn-Khmer trong vùng kiểm soát của Phù Nam (có thể cả bán đảo Thai-Malay)" (sic). (Những đoạn dẫn trên do tính chất đặc biệt của nó, đã được dịch sát nguyên văn để bạn đọc tham khảo).

- (*Lời bình*: Nghe, đọc thì thấy thật là uyên bác, tới 10 học giả với những ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, có người khẳng định một chiều, cứ như đã từng gặp, nói chuyện với người Phù Nam mà không cần phiên dịch. Có người nói sai, như D.G. Hall nói về cảng thị Khmer, hay trở thành Khmer vào thế kỷ VI. Nhưng tất cả có gì là mới đâu? Mới chính là dụng ý ở đoạn tiểu kết của tác giả đã có thể giúp cho từng bước hiểu tác giả rõ thêm: Nên mọi người chỉ để làm nền cho ý riêng, *thiên kiến, thiên kiến, thiên kiến và cường nhắc*.

- *Thiên kiến* là ông có sẵn ý muốn coi đây là vấn đề Cambốt-Khmer. Ông dẫn *Hoshino*, nhưng không đáng tin, chính ông cũng nhận thấy như thế, song là để dẫn ý "chảy về hướng Tây là Tonle Sap". Ông cố gắn Tonle Sap với Tonle Bati, gần nơi tìm thấy bia K 40, gắn Phù Nam với Cambốt.

- *Thiên kiến và cường nhắc* là dựa vào bia sớm nhất viết chữ Khmer cổ có niên điểm 611, thế thì sáu thế kỷ trước của nước Phù Nam là cư dân nào? Cũng trong sáu thế kỷ này, tiến trình Khmer như thế nào? Chắc chắn chưa thể có tộc Khmer, tiếng Khmer và cả nước *Kambuja- Chân Lạp- Bhavapura*.

Vấn đề *Môn và Khmer, Phù Nam, Chân Lạp* cũng đã được trình bày rõ, đủ và đúng, khác M. Vickery, trong nhiều bài và kết lại trong *Vương quốc Phù Nam- Lịch sử và văn hóa* của Lương Ninh, 2005. Tiếc rằng



điều kiện thông tin, trao đổi còn quá hạn chế. Tuy nhiên, dù có, thì không biết M.Vickery sẽ có ý kiến như thế nào hay như ông đã từng nhận xét về văn hóa tộc người của *L. Malleret, B.P. Groslier*)

### 7. Tên gọi "Phù Nam" và kinh đô của nó

Có quan niệm thử đưa ra, có tính chất ước lệ và không nghiêm túc (?) là tên gọi Phù Nam, Bạt Nam là do người Hoa phiên âm một từ Khmer cổ vnam/bnam nghĩa là Núi đã ảnh hưởng tới cuộc tranh luận về địa điểm kinh đô, danh hiệu của các vua của nó, "Vua Núi" và dẫn tiếng Khmer hiện đại gọi tên *anachakr bhnam nghĩa là vương quốc Núi, tên gọi một địa bàn rộng hơn* mà phần lớn các nhà sử học Cambốt chấp nhận (? sic).

Một vấn đề cùng với việc phục lập tên theo tiếng Khmer là phần lớn các tên có từ *Nam* trong văn bản Hán cổ viết về Đông Nam Á, đều có nghĩa là phương Nam, như *Nam Việt, Nam Hải, An Nam, Nhật Nam*. Như thế, *Phù Nam* sao lại không có nghĩa là *Bảo vệ phương Nam*? Đó là ý của Aymonier, P.Pelliot cho là cũng có thể (?), nhưng muốn (sic) coi là phiên âm, bởi có hai cách gọi, là *Phù* hoặc *Bạt*. Cả hai ông đều coi kinh đô là ở *Angkor Borei*.

Đến năm 1928, G.Coedes đưa ra và cố gắng chứng minh một thuyết mới là kinh đô ở Ba Phnom, vẫn tồn tại trong nhận thức ước lệ cho đến rất gần đây, cuộc khai quật khảo cổ học ở Angkor Borei phát hiện được khá nhiều dấu tích cổ (2004; chẳng lẽ M.Vickery không biết có cuộc khảo sát của P.Paris năm 1941 và của M.Malleret năm 1944?), trong khi ở Ba Phnom thì không thấy có.

Một đoạn dài trình bày lý lẽ và tranh luận về các tên gọi Đặc Mục, Vyadhapura, các địa danh Angkor Borei, Ba Phnom, cả

Asram Moha Rosei, Vrai Krapas, đã khá quen thuộc trong các tài liệu Việt Nam. Đáng chú ý điểm mới, độc đáo nhưng cũng khá kỳ dị là đoạn kết của tác giả: "Với *Vyadhapura*, tuy những văn khắc ở thế kỷ X dường như có liên quan đến cả hai, Angkor Borei và Ba Phnom, tên gọi chỉ thấy có một lần trong văn khắc *Tiền Angkor*, K 109, niên điểm 655, tìm thấy ở gần Banteay Prei Nokor, huyện Thbaung, tỉnh Kômpông Châm, cách xa cả Ba Phnom và Angkor Borei về phía Đông... Trong những nghiên cứu trước đây, tôi đã gợi ý về tầm quan trọng của *Vyadhapura* trong các văn khắc Angkor vì đây là quê hương của Jayavarman II và không có quan hệ gì với Ba Phnom Tiền Angkor, cả Angkor Borei hay Phù Nam. Việc nhắc đến *Vyadhapura* ở thế kỷ X gợi ra rằng bấy giờ nó trở thành *một tỉnh rộng*, bao gồm cả Angkor Borei và Ba Phnom, và có lẽ cũng là cả *địa bàn nguyên thủy của nó* (sic, một sự suy đoán không có căn cứ, không có khái niệm về địa lý-vùng dân cư; ngày nay gồm ít nhất 3 tỉnh, cách nhau hai con sông lớn; lại là một sự khiên cưỡng).

Đoạn cuối bàn thêm về quãng đường đi đến kinh đô, theo thư tịch, dài khoảng 200 km. Nếu đi từ Óc Eo đến Angkor Borei thì chỉ 90 km, nhưng nếu (rẽ phải đi tiếp) đến Kômpông Châm (theo thuyết của M.Vickery) thì hợp, khoảng 200 km. Nếu hiểu rõ thì không một ai muốn đến Kômpông Châm và cả Ba Phnom mà lại đi theo đường từ Óc Eo, mà phải vào sông Tiền (chứ không phải sông Hậu), ngược dòng đến nơi. Tuy nhiên, thế kỷ III, Khang Thái đến đó làm gì; vì ở đó chỉ có *rừng* (*Prey*) và *bến sông* (*Kômpông*). Thư tịch không nói đi từ cảng thị (có phải đi buôn dâu), mà phải tìm đến kinh đô, chắc cần có dân địa phương dẫn đường, đi vào *từ cửa*

sông, đoán là sông Hậu, đến Châu Đốc rồi theo đường kênh đến Angkor Borei, vừa đúng 200 km.

### 8. Sự kết thúc của Phù Nam

P. Pelliot dẫn thư tịch nói về Phù Nam mà sự chấm dứt (của nước này) đi liền với sự xuất hiện của Chân Lạp, lần đầu tiên được nói tới năm 616-617. Chân Lạp vốn là thuộc quốc của Phù Nam, sau nổi dậy chinh phục lại. Vua của nó là Citrasena, đến con là Isanasena, sống ở thành Isana. Nhưng Phù Nam còn tồn tại, còn cử sứ thần vào triều cống đến các năm 618-649. Như thế, có đến hơn 30 năm, Trung Hoa thừa nhận cả hai, Phù Nam và Chân Lạp.

Coi như P. Pelliot phiên âm đúng thì Isanavarman sống ở thành Isanapura (Sambor Prei Kuk), trị vì trong khoảng 620-630, vậy chính ông này cử sứ thần đến Trung Quốc nhân danh Phù Nam?

P. Pelliot cho rằng Kinh đô Phù Nam ở Angkor Borei, khi bị Chân Lạp đánh phải chạy về phương Nam, đến Naravaranagara được đoán là ở khoảng Cambốt.

G. Coedes thì lại cho kinh đô là Đạc Mục, ở Ba Phnom - Prey Veng, khi phải chạy về phương Nam thì đến Naravaranagara tức là ở Angkor Borei.

G. Coedes còn đi xa hơn nữa, cho rằng dòng Vua Núi bị đánh đã chạy sang Java, lập /phục hồi dòng Vua Núi-Sailaraja ở đây. Tác giả đã chứng minh điều đó, nhưng như thế là nhầm. Đây là vấn đề dòng Vua Núi (Sailaraja), vua của Phù Nam có chạy sang Java và có khôi phục ở đây vương triều này hay không, G.Coedes xác định điều này với tính chất *một giả thiết*, M. Vickery chứng minh ngược lại là không có, cũng *chỉ là một giả thiết*, lại càng ít căn cứ thuyết phục hơn.

(Lời bình: Nói hơn 30 năm, Trung Quốc công nhận cả hai nước, Phù Nam và Chân

Lạp là hoàn toàn không đúng thực tế lịch sử. Vì, *thứ nhất*, khoảng năm 611, Chân Lạp căn bản đã có thể đánh chiếm được Kinh đô Phù Nam; *Thứ hai*, *Tuỳ thư* bắt đầu tìm hiểu, ghi chép về Chân Lạp, viết rõ ràng: Năm Đại Nghiệp thứ 13 (năm 617) (Chân Lạp sang cống, lễ rất hậu rồi dứt, hơn 40 năm. Sau đó mới lại thấy ghi có sứ sang châu, nhưng chỉ là của *Lục Chân Lạp*, 4 lần vào các năm 753,771,779,799. Như thế, (617-753) là 136 năm không có quan hệ gì với Chân Lạp; tiếp theo, từ năm 680 Jayavarman I qua đời đến khi Jayvarman II lên ngôi năm 802 là 122 năm, cộng là 258 năm không biết đến tên một vị vua nào, một vương triều nào của Chân Lạp mà đó là vấn đề của Chân Lạp. M. Vickery chẳng nhẽ không biết điều này? Hay do không đọc được *Tuỳ thư*? Hay lại cũng không tin thư tịch? Nhưng ghi chép ngoại giao thì đáng tin. Tôi sẽ trở lại vấn đề này, vấn đề có hay không cuộc khủng hoảng tàn quyền 258 năm vào dịp khác.

- Nhưng thư tịch ghi tiếp Phù Nam vẫn cử sứ thần đến vào các năm từ 618 đến 649... Có nghĩa là vua Phù Nam bị đánh, chạy về phương Nam đến *Naravaranagara* và trụ được 30 năm nữa. Điều này cũng đã có những suy đoán nghiêm túc dựa vào tình hình và nội dung văn khắc, nhưng không được tác giả nói tới. Điều mà ông tập trung chú ý là chứng minh rằng *Jayavarman II* (người khôi phục vương triều Chân Lạp sau cuộc tấn công của Java đã chủ động “cư trú chính trị” ở Nam Indonesia (?) để tránh sự rối ren bên trong (dấu hỏi chưa tin là của tác giả). Ông chứng minh sự tiếp nối liên tục của các triều vua từ Phù Nam đến Angkor qua sự suy đoán nội dung văn khắc, một sự suy đoán rất chủ quan, sai lệch, nhưng theo tác giả: “Như thế, sự giải thích (của thư tịch Trung

Hoa) về sự chuyển tiếp Phù Nam - Chân Lạp là giản đơn, sai lầm, bởi vì người Trung Hoa chỉ quan tâm chủ yếu đến buôn bán và hải cảng, rất ít thông báo về nội chính" (*sic*). Tác giả đã suy đoán tùy tiện văn khắc, không khai thác được thư tịch cổ mà lại cho là sai thì thật là chủ quan).

### 9. Phù Nam là gì?

"Sau khi xem lại và phân tích bằng cứ, có lẽ một vấn đề cơ bản có thể được đặt ra Phù Nam là một quốc gia thống nhất hay một đế quốc như là người Trung Hoa hay các học giả châu Âu truyền thống đã từng tin như thế, hoặc là một nhóm hải cảng, trên bờ hay gần bờ biển, giống như Sri Vijaya ở Indonesia, mà lúc này nơi này, lúc khác nơi kia giữ ưu thế?

Dù ý kiến thứ 2 có được chấp nhận thì vẫn thấy rằng Phù Nam không được rõ bằng Sri Vijaya. Đối với Sri Vijaya, thư tịch kết hợp với văn khắc bản địa cuối thế kỷ VII cho thấy, có ít nhất hai lần "rời đô" (hoàn toàn trừu tượng hóa khỏi sự ứng dụng của thuật ngữ này), từ Palembang đến Jambi, rồi sau lại trở lại Palembang. Với Phù Nam, thư tịch Trung Hoa sớm nhất không viết gì về trung tâm quyền lực của nó, chỉ có tài liệu muộn vào thế kỷ VII mới cho biết nó cách biển 200 km và cho nó một cái tên, *Te Mu* (Đặc Mục) mà còn xa mới giải mã được nghĩa là gì. Khảo cổ học cũng chỉ làm phức tạp thêm vấn đề xa như thế, bởi địa điểm làm bằng cứ chắc nhất cho việc này là Angkor Borei lại chỉ cách 90 km xa nơi là bằng cứ chắc nhất cho hải cảng chính Óc Eo.

Chắc chắn là toàn bộ vùng mà người Trung Hoa coi là Phù Nam cũng có nhiều cảng, từ bờ biển Việt Nam, Cambốt đến Tun sun, nơi nào đó trên bán đảo Thai-Malay, nhưng toàn bộ thư tịch Trung Hoa nói về vấn đề này lại chỉ đặt các cảng dưới mắt họ là vùng trung tâm mà nay là Nam Cambốt và nối liền Việt Nam. Tuy nhiên,

không phải *tiên quyết* cứ có nhiều cảng thì làm thành một quốc gia thống nhất. (*Lời bình*: Chỉ có Việt Nam mới có cảng biển, Cambốt chưa bao giờ có cảng biển dù để cho thuyền gỗ đi biển trước năm 1960, khi người Pháp giúp lập cảng Cômpong Som. Lý do này thật dễ hiểu).

### Kết lời bình.

Tự đặt cho mình nhiệm vụ chủ yếu là giới thiệu một bài nghiên cứu mới, nên tôi cố gắng bám sát trình tự nội dung, diễn tả đúng, sát ý tác giả, tuy không dễ gì với một bài như thế này, với một học giả viết điêu luyện, tinh tế từng chữ. Một số đoạn tinh tế và cần, tôi đã dịch nguyên văn để bạn đọc dễ tham khảo. Đương nhiên, do tính chất của bài, tôi thấy không thể chỉ giới thiệu mà nên có bình luận, và đã có *lời bình* ngắn gọn với từng chỗ cần, viết riêng trong ngoặc để khỏi lẫn và cuối cùng là *Kết lời bình*.

Tôi không hề phản đối *sự tháo dỡ*, thậm chí còn nghĩ là cần, để tránh đường mòn lối cũ, tìm cái mới, mà *phát hiện cái mới* chính là yêu cầu, bản chất của khoa học. Tuy nhiên, thực tế công việc này của M. Vickery có nhiều hạn chế:

- Ông đặt đầu đề bài viết như đã nêu trên, nhưng thực tế với lời bình chi tiết nêu trên, đã chứng tỏ ông *không đủ trình độ để tháo dỡ*: P.Pelliot về văn bản cổ chữ Hán; G.Coedes về văn khắc viết cổ Khmer và Sanskrit;

- Ông không đủ hiểu biết tài liệu khảo cổ học và sử dụng nó một cách phiến diện, hạn chế (Tôi cứ bản khoản tự hỏi liệu ông có bao giờ được thấy một công trường khai quật cùng với cảnh quan, một tập hợp hiện vật khảo cổ học Phù Nam?)

- Ông không đủ hiểu biết về Văn hóa Phù Nam và cả vùng Nam Đông Dương mà lại bàn về nước Phù Nam;

Đặt ra các thuật ngữ như *văn hóa dân gian hàn lâm*, *huyền thoại bác học* và sử dụng một cách tùy tiện, sai lệch các thuật

ngữ *Tiền sử, Lịch sử*, khi đã có lịch sử được ghi chép, có bộ máy nhà nước.

Ông đề cao E.Poree Maspero, tuy nhà nữ dân tộc học này rất đáng quý, đáng trân trọng ở công trình văn hóa dân gian của bà, nhưng kết luận được gì? Để làm gì? Để thay thế G. Coedes, P.Pelliot hay E. Aymonier - người đầu tiên giải mã chữ Khmer cổ?

Tôi sợ rằng như thế là ông đã xắn tay áo *tháo dỡ lâu đài để xuống ở nhà tranh?*

Dù sao, cuối cùng, tôi cũng thấy được ông, hiểu được ý của ông. Tất cả, chỉ là nhắc lại, bàn thêm để dẫn tới ý gọi là mới của ông: Ông muốn người ta phải hiểu rằng Cambốt là sự tiếp nối vương triều Phù Nam, rằng cư dân chủ yếu ở Phù Nam cũng là Khmer, ít nhất

cũng là Môn-Khmer (Tôi đã từng chứng minh rằng về tộc người, Môn và Khmer là hai vấn đề khác nhau). Hình như ông đã làm việc này sau một chuyến đi giảng dạy ở Đại học Phnôm Pênh năm 2003, nhưng như thế, ông đã bỏ qua ý kiến của *tất cả các học giả* từ 1903 đến 2003, bỏ qua thành tựu của hàng chục cuộc khai quật khảo cổ học, di ngược các tài liệu lịch sử và văn hóa, do đó *sai lệch về mặt khoa học và nguy hại về mặt quan điểm sử học*. Thật đáng tiếc khi tôi biết ông là một nhà nghiên cứu sâu sắc, nghiêm túc và chặt chẽ.

## TÀI LIỆU DẪN

Các tác giả và công trình do tác giả M.Vickery dẫn, có ghi chú nguồn ở cuối nguyên bản, còn dưới đây là tài liệu dẫn của bài này:

1. Lương Ninh: *Nước Chí Tôn, một quốc gia cổ ở miền Tây sông Hậu*, Tạp chí Khảo cổ học, số 2-1981.

2. Lương Ninh: *Óc Eo và Phù Nam*, Tạp chí Khảo cổ học, số 1-1987.

3. Lương Ninh: *Sự thiên di và hình thành những nhóm cư dân cổ Đông Nam Á*, Tạp chí Dân tộc học, số 5-2003.

4. Lương Ninh: *Vương quốc Phù Nam-Lịch sử và văn hóa*, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2005.

